

Tân châu, ngày ..tháng ..năm 2025

**DANH MỤC HÓA CHẤT- VẬT TƯ Y TẾ**  
**BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC TÂN CHÂU**

STT	TÊN HÀNG	HOẠT CHẤT	DVT	GIÁ
1	00360 STA OWREN KOLLER		hộp	4.225.000
2	00598 C.K. PREST 2		hộp	3.515.000
3	01163 STA - NeoPTimal 5		hộp	2.850.000
4	26441 FLACON DE 1 850 BILLES		Gói	9.165.000
5	38876 CUVETTES		Thùng	4.665.000
6	86553 COMBITIPS 2,5ML EPPENDORF		hộp	24.045.000
7	Acid acetic chai 500ml	Acid acetic chai 500ml	Chai	85.000
8	Airway Size 3 - 90mm	Airway nhỏ 90cm	Cái	4.180
9	Alanine Aminotransferase (ALT) Kit	GPT	ml	6.500
10	Alanine Aminotransferase (ALT) Kit (IFCC Method)	SGPT	ml	6.596
11	Albumin Kit (Bromcresol Green Method)	ALBUMIN	ml	3.268
12	Albumin Kit (Bromcresol GreenMethod)	ALBUMIN	ml	3.431
13	ANIOS'CLEAN EXCEL D	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ	Lit	336.700

14	ANIOSYME X3	Dung dịch làm sạch và khử khuẩn bước đầu dụng cụ y tế	Lit	462.000
15	Anti D (IgM+ IgG)	Dung dịch xét nghiệm nhanh định danh nhóm máu Anti D	Lọ	210.000
16	Anti-A (IgM)	Dung dịch xét nghiệm nhanh định danh nhóm máu Anti A	Lọ	105.000
17	Anti-A (IgM)	Anti A 10ml	ml	9.219
18	Anti-AB (IgM)	Bộ xét nghiệm nhanh định danh nhóm máu AB	Lọ	115.500
19	Anti-AB (IgM)	Anti B 10ml	ml	9.219
20	Anti-B (IgM)	Dung dịch xét nghiệm nhanh định danh nhóm máu Anti B	Lọ	105.000
21	Anti-B (IgM)	Anti AB 10ml	ml	9.219
22	Anti-D (IgM+IgG)	Anti D	ml	16.149
23	Asan Easy Test H.Pylori	Test H.Pylori	Test	32.445
24	Asan Easy Test HBs (HBsAg)	Test HBsAg	Test	11.445
25	Asan Easy Test Syphilis	Test Syphilis	Test	18.480
26	ASO/CRP/RF CONTROL. High Level	CRP CONTROL HIGH	ml	485.000
27	Aspartate Aminotransferase (AST) Kit	GOT	ml	6.500
28	Aspartate Aminotransferase (AST) Kit (IFCC Method)	SGOT	ml	6.596
29	AUTOCAL H	AUTOCAL H	ml	103.743
30	Băng chỉ thị nhiệt kích cỡ 12mm*55m	Băng chỉ thị nhiệt độ hấp ướ	Cuộn	79.800

31	Băng keo có gạc vô trùng 100mm x 90mm	Gạc gắn với băng dính vô trùng 100mm*90mm	Miếng	3.000
32	Băng keo có gạc vô trùng 250mm x 90mm	Gạc gắn với băng dính vô trùng 250mm*90mm	Miếng	6.000
33	Băng keo có gạc vô trùng 9 x 15cm, hộp 50 miếng Clivex Sterile Non woven Wound Dressing 9cm x 15cm		Miếng	3.900
34	Băng keo lụa y tế RITASILK 5cm x 5mét	Băng keo lụa y tế	Mét	3.300
35	Băng keo thử nhiệt 1.25cm x 55m	Băng chỉ thị nhiệt 12,5mx50m	Cuộn	79.200
36	Băng thun 3 móc 10cm x 4,5m	Băng thun 3 mẫu 10cm x 4,5m	Cuộn	9.000
37	Bao + ruột huyết áp dùng cho máy monitoring_Bao + ruột huyết áp dùng cho máy monitor		Bộ	148.000
38	Bao đo máu sau sinh	Bao đo máu sau sinh	Cái	5.355
39	Bao máy huyết áp nhi	Bao máy huyết áp nhi	Cái	60.000
40	Bilirubin Total Kit (DSA Method)	TOTAL BILIRUBIN	ml	4.487
41	Bioline HIV 1/2 3.0	HIV nhanh	Test	32.550
42	Bioline™ EV71 IgM	Test nhanh chẩn đoán tay chân miệng-EV71	Test	66.780
43	Black Silk 1,5(4/0)75cm 3/8 DS19	Chỉ silk 4/0 có kim	Tép	14.300
44	BLOOD GLUCOSE STRIPS	Que thử đường huyết	Bộ	4.800
45	BLOOD GLUCOSE STRIPS	Bộ thử nhanh đường huyết	Bộ	4.799
46	Bộ dây máy thở có bẫy nước (trẻ em) GM-001-008	Bộ dây máy thở có bẫy nước (trẻ em) GM-001-008	Bộ	100.000

47	Bộ dây truyền dịch ECO sử dụng một lần kim thường	Dây dẫn, dây truyền dịch các loại, các cỡ (bao gồm cả chạc nối, bộ phân phối, cổng chia, ống nối đi kèm)	Bộ	3.340
48	Bộ dây truyền máu ECO	Dây truyền máu	Bộ	8.600
49	Bo điện tim_Bo điện tim		Cái	30.000
50	Bộ hút đàm kín		Bộ	185.000
51	Bo máy huyết áp	Bo máy huyết áp_Bo máy huyết áp (Không thanh BHYT)	Cái	16.000
52	Bộ rửa dạ dày		Bộ	115.500
53	Bơm 50ml dùng cho máy bơm tiêm điện	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần các loại, các cỡ	Cái	5.040
54	Bơm cho ăn MPV 50ml		Cái	3.950
55	Bơm tiêm 50ml		Cái	3.700
56	Bơm tiêm 50ml đầu nhỏ_Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 50ml/cc tiêm, Vikimco		Cái	3.490
57	Bơm tiêm ECO sử dụng một lần 10ml	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần các loại, các cỡ	Cái	854
58	Bơm tiêm ECO sử dụng một lần 1ml	Bơm tiêm liền kim dùng một lần các loại, các cỡ	Cái	638
59	Bơm tiêm ECO sử dụng một lần 50ml đầu xoắn	Bơm tiêm liền kim dùng một lần các loại, các cỡ	Cái	4.440
60	Bơm tiêm không kim vô trùng sử dụng một lần 20 ml/cc, VIKIMCO	Bơm tiêm liền kim dùng một lần các loại, các cỡ	Cái	1.380
61	Bơm tiêm không kim vô trùng sử dụng một lần 50ml/cc, Vikimco	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần các loại, các cỡ	Cái	3.700

62	Bơm tiêm sử dụng 1 lần Banapha (10ml)	Bơm tiêm 10ml các loại	Cái	843
63	Bơm tiêm sử dụng 1 lần Banapha (1ml)	Bơm tiêm 1ml các loại	Cái	585
64	Bơm tiêm sử dụng 1 lần Banapha (3ml)	Bơm tiêm 3ml các loại	Cái	615
65	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 1 ml/cc, kim các cỡ, VIKIMCO	Bơm tiêm liền kim dùng một lần các loại, các cỡ	Cái	541
66	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 10ml/cc, kim các cỡ, Vikimco	Bơm tiêm liền kim dùng một lần các loại, các cỡ	Cái	880
67	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 20ml/cc, kim các cỡ, Vikimco	Bơm tiêm liền kim dùng một lần các loại, các cỡ	Cái	1.550
68	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 3ml/cc, kim các cỡ, Vikimco	Bơm tiêm liền kim dùng một lần các loại, các cỡ	Cái	575
69	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 5 ml/cc, kim các cỡ, VIKIMCO	Bơm tiêm liền kim dùng một lần các loại, các cỡ	Cái	580
70	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 50ml/cc loại cho ăn, VIKIMCO	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 50 ml/cc, loại cho ăn, VIKIMCO	Cái	3.500
71	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 5ml/cc, kim các cỡ, Vikimco	Bơm tiêm liền kim dùng một lần các loại, các cỡ	Cái	635
72	Bóng đèn hồng ngoại Osram	Bóng đèn hồng ngoại Osram_BÓNG ĐÈN	Cái	100.000
73	BONG DEN MAY SINH HOA A.15	Bóng đèn máy sinh hóa A.15-Biosystems	Cái	1.650.000
74	Bông hút nước y tế, KVT	Bông hút	Kg	143.535
75	Bông y tế không thấm nước gói 1 kg_BONG MO 1KG M1		Gói	84.945
76	Bông Y tế Quick Nurse 1kg	Bông y tế (Bông thấm nước)	Kg	123.900

77	Calibration Pack for CBS-400/90202	Hóa chất chính	Test	11.098
78	Calibration packs	Calibration packs (Reagent pack) Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm điện giải tự động	ml	6.555
79	Calibration Packs for CBS 400	Calibration Packs (Reagent Pack) máy điện giải 5 thông số	hộp	8.345.000
80	Cardiac Troponin I Rapid Test Cassette	Troponin I	Test	36.000
81	Cardiac Troponin I Rapid Test Cassette (576/QĐ-BVTC)	Test xét nghiệm Troponin I trong máu	hộp	900.000
82	Cây treo dịch truyền	Cây treo dịch truyền_Cây treo dịch truyền (Không thanh BHYT)	Cái	180.000
83	CBC-3K	Dung dịch chuẩn	ml	468.393
84	Chất hiệu chuẩn MEK-CAL	Chất hiệu chuẩn MEK-CAL	Lọ	3.720.000
85	Chỉ khâu Silk 5/O + kim tam giác_Unisil		Tép	13.200
86	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Sterilon (Nylon) 2/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 26mm	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp 2-0	Tép	11.295
87	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Sterilon (Nylon) 3/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 26mm_Không thanh toán BH	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp 3- 0_Không thanh toán bảo hiểm	Tép	11.020
88	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Sterilon (Nylon) 5/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 16mm	Chỉ Nylon 5/O , 75cm, kim 25m tam giác	Tép	15.740
89	Chỉ không tan tổng hợp Teklon (Nylon) số 3/0, dài 75cm, kim tam giác 3/8c, dài 26mm, TM25DS26	Chỉ không tan tổng hợp polyamid 3/0, kim tam giác	Tép	15.750
90	Chỉ không tan tự nhiên đa sợi Sterisil (Silk) 2/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 26mm	Chỉ không tan tự nhiên đa sợi 2/O + kim tam giác	Tép	15.520

91	Chỉ không tan tự nhiên đa sợi Sterisil (Silk) 5/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 16mm	Chỉ khâu không tiêu tự nhiên 5-0	Tép	15.010
92	Chỉ phẫu thuật có kim CATGUT CHROMIC số 2/0		Sợi	17.000
93	Chỉ phẫu thuật Polycol 1 dài 90cm, kim tròn 1/2C 40mm	Chỉ tan tổng hợp số 1	Tép	38.220
94	Chỉ phẫu thuật Sterilon 3/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 24mm	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi, số 3/0 kim tam giác 20mm	Tép	11.540
95	Chỉ phẫu thuật Sterilon 4/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 19mm	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi, số 4/0 kim tam giác	Tép	11.550
96	Chỉ phẫu thuật Sterisil 3/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C 26mm	Chỉ không tan đa sợi kim tròn, số 3/0	Tép	11.740
97	Chỉ tan chậm tự nhiên Tekchrom (Chromic Catgut) số 3/0, dài 75cm, kim tròn 1/2c, dài 26mm, TC25HR26	Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut 3/2	Tép	22.050
98	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polycol 1 dài 90cm, kim tròn 1/2C 40mm	Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 1, dài 90cm, kim tròn 1/2C 40mm bằng thép 301 kim bọc silicon. Tan hoàn toàn 57-60 ngày	Tép	38.480
99	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polycol 2/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C 26mm	Chỉ khâu tiêu trung bình tổng hợp 2-0	Tép	36.786
100	Chloramin B	Chloramin B	Kg	143.000
101	Chromic Catgut 3.5(2/0)75cm 1/2HR36		Tép	21.000
102	Cleanac 710	Dung dịch rửa dùng cho máy huyết học tự động	Lít	1.600.000
103	Cleanac 710 / MK-710W	Dung dịch rửa dùng cho máy huyết học tự động	Lít	1.600.000
104	Cleanac 710/ MK-710W	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học	hộp	3.200.000

105	Cleanac 810	Dung dịch rửa đậm đặc dùng cho máy huyết học tự động	ml	102.222
106	Cone vàng	Cone vàng	Cái	77
107	Cone xanh	Cone xanh	Cái	120
108	Control	Dung dịch QC (Control)	ml	63.000
109	CREATININE	CREATININE	ml	4.074
110	CRP TURBI	CRP TURBI	ml	45.280
111	CRP TURBI CAL	Chất hiệu chỉnh CRP	ml	485.000
112	CRP TURBI/ CRP TURBI. Turbilatex	CRP-TURBI	ml	74.554
113	Đai xương đòn	Đai xương đòn	Cái	28.900
114	Daily Cleaning Solution	Dung dịch rửa máy phân tích điện giải 5 thông số	hộp	1.890.000
115	Dao mổ mắt 15 độ (Stab Knifes), Model: A-15F	Lưỡi dao mổ mắt 15 độ	Cái	77.000
116	Dao mổ mắt 2.8mm (Clear Corneal Knifes), Model: CCR-28AGF	Lưỡi dao mổ mắt 2.8mm	Cái	177.450
117	Dao mổ số 11 Falcon	Lưỡi dao mổ các số	Cái	798
118	Dao siêu âm harmonic Focus	Dao siêu âm mổ mở Harmoic Focus+ ( HAR9F)	Chiếc	11.457.075
119	Đầu côn vàng có khóa	Đầu côn vàng có khóa	Cái	83
120	Dầu Parafin	Dầu Parafin	Chai	78.000
121	Dây cáp máy đo điện tim máy Fukuda_ Cáp điện tim (Dây cáp máy đo điện tim máy Fukuda)		Bộ	1.499.300
122	Dây cho ăn có nắp (Feeding) các cỡ	Dây cho ăn có nắp (Feeding) số 6 _Dây cho ăn số 6	Sợi	1.890

123	Dây điện tim cho máy Nihonkoden	Dây điện tim cho máy Nihonkoden_Dây điện tim cho máy Nihonkoden	Bộ	1.499.300
124	Dây Garo_Dây garo_		Sợi	1.890
125	Dây hút đàm nhớt số 16		Sợi	2.050
126	Dây hút đờm số 14	Dây hút đờm, dịch có khóa, VT, các cỡ	Sợi	1.980
127	Dây nối bơm tiêm 140cm	Ống nối, dây nối, chạc nối (adapter) dùng trong thiết bị các loại, các cỡ	Cái	5.300
128	Dây nối bơm tiêm điện ECO	Ống nối, dây nối, chạc nối (adapter) dùng trong thiết bị các loại, các cỡ	Cái	4.450
129	Dây oxy 2 nhánh người lớn	Dây oxy 2 nhánh người lớn	Sợi	3.927
130	Dây oxy 2 nhánh trẻ em	Dây oxy 2 nhánh trẻ em	Sợi	3.927
131	Dây thở 2 nhánh 2 bể nước		Cái	155.000
132	Dây truyền dịch sử dụng 1 lần (INFUSION SET)		Cái	2.450
133	Dây truyền dịch vô trùng, sử dụng một lần 20 giọt/ml, kim các cỡ, Vikimco	Dây dẫn, dây truyền dịch các loại, các cỡ (bao gồm cả chạc nối, bộ phân phối, công chia, ống nối đi kèm)	Chiếc	3.600
134	Dây truyền máu	Dây dẫn, dây truyền máu, truyền chế phẩm máu các loại, các cỡ	Sợi	5.040
135	Đè lưới bằng gỗ sử dụng 1 lần_Đè lưới gỗ không tiết trùng		hộp	17.430
136	Đèn hồng ngoại_Đèn hồng ngoại		Cái	550.000
137	Đèn soi TMH TiLi-Otcs	Đèn soi TMH TiLi-Otcs_DEN SOI TMH TILI-OTOS	Cái	210.000

138	Dengue NS1 Rapid Test Cassette	Test nhanh chẩn đoán sốt xuất huyết NS1	Test	46.200
139	Điện cực đo điện tâm đồ, tròn 50mm, Gel khô	Miếng dán điện cực tim	Miếng	1.530
140	Diluent reagent for Spincell 3	Dung dịch pha loãng	ml	107
141	DIRECT HbA1C CONTROL	HbA1C CONTROL	ml	1.416.200
142	DIRECT HbA1c/ HbA1c-d. Glycated hemoglobin. Direct method	HbA1C	ml	51.515
143	Dụng cụ dùng trong phẫu thuật nha khoa Gương miệng (Mặt gương nha)		Cái	11.020
144	Dung dịch rửa vết thương các loại Adovidin 10%_ASI-IODINE		Chai	60.900
145	Echinococcus IgG - 8202-35	Echinococcus IgG	Test	55.200
146	Electrolyte control	Dung dịch (Qc) nội kiểm máy điện giải 5 thông số	hộp	1.890.000
147	Electrolyte Control QC-5/90103	Dung dịch QC máy điện giải	ml	63.000
148	ETHANOL CONTROL SET	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm Alcohol	ml	340.000
149	ETHANOL CONTROL SET	ETHANOL CONTROL	ml	349.200
150	ETHANOL FL	ETHANOL FL	ml	48.450
151	Formol 10%	Formaldehyde 10%	Lít	89.000
152	Gạc 0,8m	Gạc 0,8m	Mét	4.410
153	Gạc hút nước khổ 0,8m	Gạc mét	Mét	4.011

154	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30 x 40cm x 6 lớp, CQVT (5 cái/gói) (Danameco, VN)	Gạc phẫu thuật ổ bụng có quai	Miếng	4.920
155	Gamma-Glutamyl Transferase (GGT) Kit	GGT	ml	6.800
156	Gamma-Glutamyltransferase (GGT) Kit (Szasz Method/IFCC stand)	GAMA GT	ml	6.994
157	Găng khám sản khoa		Đôi	18.900
158	Găng kiểm tra dùng trong y tế không bột size S	Găng tay sạch	Đôi	1.092
159	Găng kiểm tra dùng trong y tế	Găng kiểm tra dùng trong y tế	Đôi	819
160	Găng phẫu thuật tiệt trùng số 7	Găng tay phẫu thuật số 7	Đôi	3.042
161	Găng tay khám Mediwell có bột**	Găng tay y tế không tiệt trùng có phủ bột talc các cỡ (size S, M, L, XL)**	Đôi	819
162	Găng tay tiệt trùng size 7	Găng tay tiệt trùng size 7	Đôi	3.042
163	Gạt dẫn lưu nội soi 30cm x 10 miếng		Gói	10.000
164	Gel siêu âm	Gel siêu âm	Cal	105.000
165	Giấy điện tim 110mm x 30m		Cuộn	37.800
166	Giấy in nhiệt K57 x 45mm	Giấy in	Cuộn	11.500
167	Giấy monitor sản khoa Analogic USA-3, Bistos BT-350 (sọc đỏ) 152mm x90mm x 150sh	Giấy in monitor sản khoa 152mm x 90mm-150 sheets	Xấp	42.240
168	Giemsa	Thuốc nhuộm Giesma	hộp	1.580.000

169	Glucose Kit (GOD-POD Method)	GLUCOSE	ml	3.395
170	HALOGEN LAMP	BÓNG ĐÈN SINH HÓA	Cái	6.305.000
171	HDL&LDL CAL	Chất chuẩn HDL/LDL	ml	485.000
172	HDLc -D	HDL CHOLESTEROL (576/QĐ-BVTC_ không thanh bảo hiểm)	ml	43.340
173	Hemolynac 310 / MK-310W	Dung dịch phá màng tế bào hồng cầu để đo Hemoglobin và bạch cầu trên máy huyết học tự động	ml	11.600
174	Hemolynac 510 / MK-510W	Dung dịch ly giải màng tế bào hồng cầu cho phân tích 5 thành phần bạch cầu trên máy huyết học tự động	ml	13.000
175	High Density Lipoprotein Cholesterol (HDL-C) Kit	HDL Cholesterol	ml	44.000
176	HITERGENT SOLUTION	NƯỚC RỬA KIM SỐ 1	ml	2.134
177	Hộp chống sốc 12x25 cm_HOP INOX 11*23CM		Cái	36.000
178	Hydrogen peroxide		Kg	45.000
179	Isotonac 3 / MEK-640	Dung dịch pha loãng để đếm tế bào dùng cho máy huyết học tự động	Lít	144.444
180	Isotonac 3/MEK-640	Hóa chất pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học	hộp	2.600.000
181	Kẹp điện tim	Kẹp điện tim_Kẹp điện tim (Không thanh BHYT)	hộp	460.000
182	Kẹp rốn sơ sinh Tanaphar	Kẹp rốn sơ sinh	Cái	1.995

183	Khẩu trang y tế 3 lớp đã tiệt trùng	Khẩu trang y tế 3 lớp đã tiệt trùng_Khẩu trang phẫu thuật 3 lớp thun đeo tai Fami Med	Cái	1.008
184	Khí CO2 5kg/bình_Carbon dioxide		Bình	220.000
185	Khóa 3 ngã có dây nối 50cm	Khóa 3 ngã có dây 50cm	Sợi	3.990
186	Khối hồng cầu từ 250 ml máu toàn phần (0)		ml	902.000
187	Kim châm cứu Đông Á dạng túi 0,30 x 75mm	Kim Châm Cứu số 7	Cây	445
188	Kim gậy tê tùy sóng số 27G	Kim gậy tê tùy sóng số 27G	Cây	24.000
189	Kim luồn tĩnh mạch	Kim luồn tĩnh mạch các loại các cỡ	Cái	2.289
190	Kim tiêm MPV	Kim lấy máu, lấy thuốc các loại, các cỡ	Cây	336
191	Lam kính 7102, lam tròn	Lam kính	hộp	15.600
192	Lancet	Lancet	hộp	58.000
193	Lavabo inox	Lavabo inox	Cái	550.000
194	Lọ đựng bệnh phẩm	Dụng cụ chứa mẫu bệnh phẩm	Cái	1.995
195	Lọ nhựa đựng mẫu 50ml		Cái	1.140
196	Lọc khuẩn 3 chức năng HME		Cái	55.000
197	Lưỡi dao mổ các số		Cái	864
198	Lưới phẫu thuật (PP Standard) 6 x 11 cm		Miếng	300.000
199	Lyse reagent for Spincell 3	Dung dịch ly giải hồng cầu	ml	3.861
200	Mask gây mê	Mask gây mê	Cái	27.300
201	Mask thở không xâm lấn kèm dây đai	Mask thở không xâm lấn kèm dây đai	Cái	2.500.000
202	Mask thở oxy có túi người lớn	Bộ mask thở oxy có túi	Cái	11.424
203	Mặt nạ gây mê người lớn s		Cái	27.300

204	Máu toàn phần 350 ml A (Đã bao gồm chi phí xét nghiệm NAT và chi phí xét nghiệm sàng lọc kháng thể bất thường)		Bịch	1.020.000
205	Máu toàn phần 350 ml B (Đã bao gồm chi phí xét nghiệm NAT và chi phí xét nghiệm sàng lọc kháng thể bất thường)	Khối hồng cầu	Bịch	840.000
206	Máy đo huyết áp người lớn	Máy đo huyết áp người lớn	Bộ	380.000
207	MEGASEPT OPA	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao	Lít	140.000
208	MEK-5DH	Máu chuẩn mức cao dùng cho máy huyết học tự động 5 thành phần bạch cầu	ml	1.236.666
209	Multi-Drug 4 Drugs Rapid Test Panel	Test ma túy tổng hợp 4 trong 1: AMP-MOP-MET-THC	Test	46.200
210	Multi-drug Urine Panel MD-U55-NET/THC/MDMA/MOP/KET		Test	50.000
211	Nẹp chống xoay cổ chân (trái, phải)	Nẹp chống xoay cổ chân (trái, phải)	Cái	110.500
212	Nẹp cổ cứng	Nẹp cố định cổ cứng	Cái	87.486
213	Nẹp đùi dài (Zimmer)	Nẹp đùi	Cái	92.568
214	NEP ISELIN	Nẹp ISELIN	Cái	9.000
215	Nút đậy kim luồn	Nút đậy kim luồn	Cái	861
216	Nylon 3(2/0)75cm 3/8 DS26	Chỉ khâu Nylon 2/O + kim tam giác	Tép	12.750
217	One Step HBsAg Test	Test nhanh HBsAg	Test	6.500
218	Ống giảm Troca, Mã 221-01725	Ống giảm từ 10mm xuống 5mm	Cái	1.190.001
219	Ống Hematocrit		Lọ	55.000
220	Ống nghe	Ống nghe (CV số 4028/SYT-KHTC ngày 18/11/2021)	Cái	-

221	Ống nghiệm chống đông EDTA-K2	Ống nghiệm EDTA K2 2ml có nắp, mous thấp	Ống	612
222	Ống nghiệm EDTA	Ống nghiệm EDTA	tube	750
223	Ống nghiệm EDTA K2 HTM 2ml nắp cao su xanh dương, mouse thấp		Ống	1.155
224	Ống nghiệm heparin 2ml	Ống nghiệm heparin (nắp đen)	Ống	769
225	Ống nghiệm Heparin lithium HTM 2ml nắp đen, mous thấp	Ống nghiệm heparin 2ml	Cái	777
226	Ống nghiệm natri Citrate 3.8% APM-Việt Nam	Ống nghiệm Citrate 3.8% 2ml có nắp, mous thấp	Ống	627
227	Ống nghiệm nhỏ PS 5ml không nắp	Ống nghiệm nhỏ PS 5ml không nắp	tube	497
228	Ống nghiệm serum. APM-Việt Nam	Ống nghiệm Serum hạt nhỏ nắp đỏ	Ống	650
229	Ống nội khí quản, có bóng số 4.5 - 8.5	Ống nội khí quản sử dụng một lần các loại, các cỡ (bao gồm ống nội khí quản canlene)	Cái	9.975
230	Ống sonde hút nhớt các số		Cái	2.205
231	Ống thông dạ dày MPV		Cái/sợi	3.180
232	Ống thông tiết trùng-Ống dẫn lưu ổ bụng		Ống	12.600
233	Ống thông tiểu 2 nhánh		Cái	14.700
234	Ống xông họng nhựa	Ống xông họng nhựa	Cái	5.000
235	Oxy lỏng	Oxy lỏng	Kg	3.179
236	Phim khô Laser 10 x 12 inch tương thích với máy in Fuji		Tấm	20.000
237	Phim X-quang nha khoa		Tấm	4.500

238	Probe Cleanser	Dung dịch rửa máy	ml	9.409
239	PUMP TUBING	Roller Tubing	Cái	4.200.000
240	QUANTINORM CHEMA		ml	105.000
241	Que lấy dịch hầu họng		Que	1.512
242	Quick Test DOA Multi 4 Drug (MDMA-THC-MET-MOP)	Test Phát hiện định tính nhóm các chất gây nghiện (Mor, MDMA, Met, THC) trong nước tiểu.	Test	39.000
243	Quick Test HBsAg (Card)	Quick Test HBsAg (Card)	Test	9.450
244	Quick Test HCV (Card)	Quick Test HCV (Card)	Test	15.120
245	Rapid Anti-HCV Test	Test nhanh chẩn đoán HCV	Test	9.000
246	Ruột máy huyết áp nhi	Ruột máy huyết áp nhi	Cái	28.000
247	Sample cup	Sample cup	Gói	650.000
248	Sáp Parafin_Sáp Parafin		Kg	62.000
249	SDS - Protect life S 4%	Dung dịch rửa tay diệt khuẩn dùng trong ngoại khoa	Chai	98.000
250	Strongyloides IgG - 8319-35	Strongyloides IgG ELISA Kit	Test	55.229
251	Syphilis Rapid test dipstick	Test chẩn đoán giang mai	Test	13.860
252	Syphilis Rapid test dipstick (Serum/Plasma)	Test thử phát hiện kháng thể giang mai	hộp	693.000
253	T436D Isotonac 3	Dung dịch pha loãng cho đếm tế bào máu	ml	144
254	T438H Dung dịch Cleanac 710	Dung dịch rửa pH 8-8,6	ml	1.600
255	T438R Dung dịch Cleanac 810	Dung dịch rửa pH 10-13	ml	102.222
256	T493D Dung dịch Hemolynac 310	Dung dịch chất hoạt động bề mặt cation	ml	11.600
257	T496D Dung dịch Hemolynac 510	Dung dịch chất hoạt động bề mặt anion	ml	13.000
258	Tạp dè y tế tiệt trùng 80x120cm	Tạp dè y tế	Cái	3.570

259	Terrumo Dental Needle-Kim nha	Kim nha	Cái	2.205
260	TERUMO dental needle- Kim nha	TERUMO dental needle- Kim nha	Cây	1.890
261	Test nhanh chuẩn đoán giang mai )	Test nhanh chuẩn đoán giang mai	Test	13.860
262	Thủy tinh thể nhân tạo HOYA iSert 151	N06.03.010; Thủy tinh thể nhân tạo (IOL, toric IOL) các loại, các cỡ (cứng, mềm, treo)	Cái	2.959.000
263	Total Cholesterol Kit (CHOD-POD Method)	CHOLESTEROL	ml	6.596
264	Total Protein (TP) Kit	PROTEIN TOTAL	ml	3.200
265	Toxocara IgG - 8206-35	Toxocara IgG	Test	55.200
266	Triglycerides Kit (GPO-POD Method)	TRIGLYCERIDE	ml	6.790
267	Trocar dùng nhiều lần, mã 221-01125	Troca kim loại đường kính 10mm	Cái	6.900.000
268	Túi Camera M6, VT	Túi Camera	Cái	4.400
269	Túi đo máu sau sinh	Túi đo máu sau sinh	Cái	4.720
270	Túi đựng nước tiểu ECO	Túi nước tiểu có dây treo, có khóa	Cái	5.150
271	Túi ép dẹp tiết trùng 200mm x 200m		Cuộn	440.000
272	Urea kit (Urease-GLDH, UV Method)	UREE-UV	ml	6.596
273	Urigo Durable 2cm x 6cm	Băng cá nhân vải độ dính cao (19mm - 20mm) x 60mm (kích thước $\pm 5\%$ )	Miếng	600
274	Urgosyval 5cm x 5m	Băng keo urgo 5cm x 5m	Mét	7.760
275	Uric Acid (UA) Kit	URIC ACID	ml	7.100
276	Urinalysis Reagent Strips (10 parameters)	Que thử phân tích nước tiểu	Test	2.700
277	Vỉ phân liều 3 ngăn_Hộp phân liều thuốc 3 ngăn		Cái	3.402

278	Vôi soda	Vôi soda	Kg	92.200
279	$\alpha$ -Amylase(o-AMY) Kit (IFCC Method)/(CN PGMethod)	AMYLASE	ml	19.264
	<b>TỔNG CỘNG: 279 KHOẢN</b>			

